

Số tham chiếu: 60923724/14937838

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Vinafco

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Vinafco ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 30 tháng 6 năm 2011 được trình bày từ trang 5 đến trang 57 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và báo cáo kiểm toán của công ty kiểm toán này đề ngày 22 tháng 3 năm 2011 đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với việc ghi nhận khoản đầu tư tài chính vào công ty liên doanh là Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long theo giá gốc thay vì hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Đồng thời, các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 cũng được soát xét bởi công ty kiểm toán đó và báo cáo kết quả công tác soát xét của công ty kiểm toán này đề ngày 10 tháng 8 năm 2010 cũng đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với vấn đề nêu trên.

Ngoại trừ vấn đề được nêu trong đoạn dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có còn các sai sót trọng yếu hay không. Công tác soát xét chủ yếu bao gồm việc trao đổi với nhân viên của Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích đối với những thông tin tài chính. Do đó, công tác soát xét cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như được trình bày tại Thuyết minh số 15.2, Tập đoàn đã ghi nhận khoản đầu tư vào Công ty TNHH Tiếp vận Thăng Long trên các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho các giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 và ngày 30 tháng 6 năm 2010, và trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo giá gốc, thay vì hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu theo hướng dẫn trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 8 - Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh. Ngoài ra, trong giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011, Tập đoàn cũng mất quyền kiểm soát trong công ty con là Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Tòa nhà Vinafco và công ty này trở thành công ty liên kết của Tập đoàn. Tuy nhiên, Tập đoàn hiện đang ghi nhận khoản đầu tư vào công ty liên kết này trên các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 theo phương pháp giá gốc như đã trình bày tại Thuyết Minh số 15.1, thay vì hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu theo hướng dẫn trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 7 - Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết. Dựa trên những tài liệu hiện có, chúng tôi đã không thể thực hiện được các thủ tục soát xét thay thế khác để xác định tính đầy đủ và giá trị của khoản mục đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như khoản mục lãi/(lỗ) từ công ty liên doanh, liên kết trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 và ngày 30 tháng 6 năm 2010.

Dựa trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đến các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để cho rằng các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.



Ernst & Young Vietnam Ltd.

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: N.1067/KTV



Lê Đức Trường
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0816/KTV

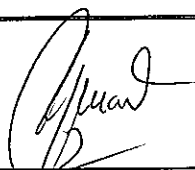
Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 8 năm 2011

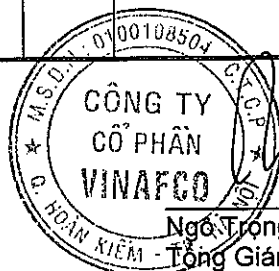
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011

Đơn vị tính: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011	Cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2010 (Trình bày lại)
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	244.406.052.594	190.572.805.068
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	24.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.1	244.406.052.594	190.572.805.068
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	25	(209.229.748.013)	(175.457.127.636)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.176.304.581	15.115.677.432
21	6. Doanh thu tài chính	24.2	14.939.748.581	7.334.336.896
22	7. Chi phí tài chính	26	(9.763.200.611)	(2.522.253.224)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(6.588.919.145)	(2.522.253.224)
24	8. Chi phí bán hàng		(263.872.880)	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(24.288.052.119)	(18.923.103.981)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		15.800.927.552	1.004.657.123
31	11. Thu nhập khác	27	495.433.847	4.215.330.698
32	12. Chi phí khác	27	(440.373.695)	(84.950.194)
40	13. Lợi nhuận khác	27	55.060.152	4.130.380.504
45	14. Phần lỗ từ công ty liên kết	15.1	(1.428.389.169)	-
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		14.427.598.535	5.135.037.627
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(6.124.153.696)	(2.357.476.993)
52	17. Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại	29.3	312.157.788	(3.057.596.444)
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		8.615.602.627	(280.035.810)
61	Trong đó:			
61	18.1. Lợi ích của các cổ đông thiểu số	23	1.378.394.754	(62.743.414)
62	18.2. Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ	22	7.237.207.873	(217.292.396)
70	19. Lãi trên mỗi cổ phiếu	31		
	- Lãi cơ bản		362	(11)
	- Lãi suy giảm		207	(11)



Nguyễn Phương Mai
Kế toán trưởng



Ngô Trọng Vũ
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 8 năm 2011